

Bản án số: 04/2021/HSST
Ngày 01/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đắc Ty
Bà Nguyễn Thị Khánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/HSST ngày 13/01/2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 22/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 01/02/2021 đối với bị cáo:

Lê Văn K, tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 27/01/1998 tại L, H;

HKTT: thôn Đ, xã P huyện L, tỉnh H

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12;

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo;

Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H (Đã chết);

Vợ, con: chưa có;

Tiền sự: không.

Tiền án: 01 (một) tiền án. Bản án số 11/2020/HS-ST ngày 22/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy xử phạt 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Lạc Thủy. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Quách Toàn P, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 9 – Đ – K – H

- Anh Phạm Xuân T1, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đ – Đ - U – H

- Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện L, tỉnh H

Người làm chứng:

- Anh Quách Văn Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H

- Anh Lê Văn T3, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H

- Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 25/10/2020, Lê Văn K sinh năm 1998 - HKTT: thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H có vào lán bảo vệ của gia đình anh Quách Văn Th - trú tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H chơi; đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì có anh Quách Toàn P, sinh năm 1996 là người cùng thôn đi xe mô tô BKS: 90B2-73231 đến lán chơi và cùng uống nước. Sau khi ngồi chơi một lúc, K mượn chiếc xe mô tô của anh P đi đến nhà anh Lê Văn Tiến trú tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh H (là anh trai của K) để vay tiền nhưng không gặp được anh Tiến. K quay về lán gia đình anh Tho mượn điện thoại anh Tho đi ra bên ngoài lán gọi điện cho anh Tiến nói rằng K đang nợ tiền người khác muốn anh Tiến trả nợ giúp cho K nhưng anh Tiến từ chối. K quay lại trả anh Tho điện thoại, sau đó điều khiển xe mô tô đã mượn của anh P trước đó tiếp tục đi tìm người quen để vay tiền, trên đường đi Lê Văn K nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên nên đã điều khiển xe đi đến nhà anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984 trú tại thôn thôn T, xã P, huyện L, tỉnh H để cầm cố chiếc xe. Tại đây K nói với anh Toàn “ anh cho em mượn 2.500.000 đồng, cộng với 1.500.000 đồng em nợ anh trước đó, tổng là 4.000.000 đồng. Em để xe em lại, mai em quay lại trả tiền và lấy xe”. Anh T2 đồng ý và đưa cho K 2.500.000 đồng. Sau khi có được số tiền này, K dùng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Đến khoảng 18h cùng ngày, K đi bộ trở lại lán của anh Th. Thấy K đi bộ về nhưng không thấy xe mô tô của mình đâu nên anh P gắng hỏi mãi thì K mới thừa nhận là đã cầm xe và hẹn đến 19h cùng ngày sẽ mang xe về trả cho anh P nhưng chờ mãi không thấy K mang xe về trả.

Sau nhiều lần liên lạc yêu cầu K trả xe nhưng K không trả nên ngày 05/11/2020, anh P đã làm đơn trình báo vụ việc đến Công an xã P, huyện L, tỉnh H.

Ngày 06/11/2020, nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, Lê Văn K đã tới Công an xã P, huyện L xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY màu nâu, yếm trắng mang BKS: 90B2 – 73231. Xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (Một) đăng ký xe mô tô số: 117915 mang tên Đỗ Mạnh H, BKS: 90B2 – 73231.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Thủy kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu BOSSCITY màu sơn nâu - trắng mang BKS: 90B2 – 73231. Số khung HPHYA1011538; số máy MHL4SA011538. Xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Đối với anh Nguyễn Văn T2 là người đã nhận cầm cố chiếc xe máy, trong quá trình điều tra anh T2 khai không biết chiếc xe máy này do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Ngày 22/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã ra quyết định xử lý vật chứng: trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY màu nâu, yếm trắng mang BKS: 90B2 – 73231. Xe cũ đã qua sử dụng và 01 (Một) đăng ký xe mô tô số: 117915 mang tên Đỗ Mạnh H, cho anh Quách Toàn P là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Quách Toàn P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Toàn số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng mà bị cáo đã vay của anh Toàn.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSLT ngày 12/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Lê Văn K về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Lạc Thủy thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn K về “tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, Điều 38; điểm h,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh P đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không đề cập, xử lý; Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ thể hiện Anh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho anh T2 số tiền

2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng mà bị cáo đã vay của anh T2, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Truy thu số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính của bị cáo Lê Văn K xung công quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: xử lý của Cơ quan CSĐT là phù hợp.

Ngoài ra, đề nghị HĐXX duy trì biện pháp tạm giam đối với bị cáo và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận gì thêm. Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy, Điều tra viên, VKSND huyện Lạc Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật TTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và một số nhân chứng được triệu tập đến phiên tòa như đã nêu trên là phù hợp với quy định tại điều 292, 293 của Bộ luật TTHS không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết, xét xử khách quan của vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: HĐXX nhận thấy, bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan CSĐT thu thập được cũng như nội dung Cáo trạng mà VKSND huyện Lạc Thủy đã truy tố. Do vậy có đủ căn cứ để chứng minh: hành vi của Lê Văn K mượn xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, BKS: 90B2 – 73231 của anh Quách Toàn P có giá trị 4.300.000đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) theo Kết luận định giá tài sản để sử dụng làm phương tiện đi việc cá nhân sau đó mang đi cầm cố lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả lại tài sản, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của VKSND huyện Lạc Thủy truy tố đối với bị cáo Lê Văn K là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 22/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy tuyên phạt 20.000.000 đồng về tội đánh bạc. Bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cải tạo trở thành một công dân có ích cho xã hội. Xét thấy cần tiếp tục duy trì biện pháp tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án hình sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: Tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, hậu quả của tội phạm gây thiệt hại không lớn (là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 – BLHS); sau khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo (là tình tiết giảm nhẹ TNHS khác được quy định tại Khoản 2 Điều 51 – BLHS) nên áp dụng để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tạo động lực cho bị cáo cải tạo tốt hơn.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra, xác minh và thẩm vấn công khai tại phiên tòa ngày hôm nay thấy rằng, bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 175 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Việc xử lý của Cơ quan CSĐT với các đối tượng khác là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. HĐXX không đề cập xử lý. Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ thể hiện Anh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho anh T2 số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng mà bị cáo đã vay của anh T2, nên hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[4] Vật chứng của vụ án: Xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 38; Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn K 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 06/11/2020.

[3]. Các vấn đề khác: Truy thu số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có của bị cáo Lê Văn K sung công quỹ nhà nước.

[4] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử theo trình tự Pc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo tương tự về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Quyền kháng cáo của người vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND Lạc Thủy;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS Lạc Thủy;
- CA h. Lạc Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Lạc Thủy, ngày 01 tháng 03 năm 2021.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 15 , ngày 01 tháng 3 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh

Ông Lê Đức Ty

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/HSST ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn K, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 27/01/1998 tại Lạc Thủy, Hòa Bình;

HKTT: Đồng Danh, P Thành, Lạc Thủy, Hòa Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12;

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo;

Con ông Lê Văn Trường và bà Nguyễn Thị Hằng (Đã chết);

Vợ, con: chưa có;

Tiền sự: không. Tiền án: 01 (một) tiền án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Lạc Thủy. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ điều 299 và 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về Tính hợp pháp:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp: đều hợp pháp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lạc Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 38; Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 06/11/2020. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 329 – Bộ luật TTHS duy trì biện pháp tạm giam đối với bị cáo để bảo đảm thi hành án hình sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

4 Về vật chứng: Xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT là phù hợp.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

6. Các vấn đề khác: Truy thu số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có của bị cáo Lê Văn K xung công quỹ nhà nước.

Kết quả biểu quyết 3/3

7. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3

8. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử theo trình tự Pc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo tương tự về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Quyền kháng cáo của người vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết Bản án.

Kết quả biểu quyết 3/3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh - Lê Đức Ty

Vũ Hải Dương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Ty

Nguyễn Thị Khánh

Vũ Hải Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA